

Số: **270** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **07** tháng 12 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về việc làm, bảo hiểm thất nghiệp, người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam tại Công ty TNHH Lianyue (Việt Nam)

Thực hiện Quyết định số 434/QĐ-TTr ngày 06/10/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về việc làm, bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là BHTN), người lao động nước ngoài (sau đây viết tắt là NLĐNN) làm việc tại Việt Nam tại Công ty TNHH Lianyue (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty), ngày 27/10/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày **27**/11/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Tên đơn vị sử dụng lao động: Công ty TNHH Lianyue (Việt Nam).
- Địa chỉ, trụ sở chính của doanh nghiệp: thửa đất B09 đến B14 lô đất CN7, khu công nghiệp An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0386.831.669.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201937177 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 21/02/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/12/2022.
- Người đại diện theo pháp luật: ông Zhou Jian Jun, chức danh: Chủ tịch Công ty, sinh ngày 22/10/1968, hộ chiếu nước ngoài số KJ 0433294, cấp ngày 08/5/2015.
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chủ yếu: chế tạo, nghiên cứu phát triển thiết bị đầu cuối mạng và thông tin.
- Tài khoản số 2511103666009 mở tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Quân Đội MB - Chi nhánh Bắc Hải.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc chấp hành pháp luật về việc làm, BHTN tại Công ty đối với lao động là người Việt Nam

1.1. Tình hình quản lý, sử dụng lao động

- Tổng số lao động là người Việt Nam Công ty đang sử dụng: 1.441 người.
- Số người lao động thuộc diện phải ký hợp đồng lao động (HĐLĐ): 1.309 người, trong đó:
 - + HĐLĐ xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người;
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người;
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 1.306 người;
 - + HĐLĐ không xác định thời hạn: 03 người.
- Số người đang thử việc: 05 người.
- Số người đang học nghề, tập nghề để làm việc cho Công ty: 127 người.
- Số lao động thuộc diện phải ký HĐLĐ nhưng chưa ký: 0 người.
- Số lao động không thuộc diện phải ký HĐLĐ: 0 người.
- Kiểm tra HĐLĐ của 05 người lao động (ông Đồng Văn Quang, bà Đoàn Thúy Lan, ông Nguyễn Văn Sơn, ông Lò Văn Thụy, bà Đào Thị Thanh), nội dung HĐLĐ ghi chưa cụ thể: mục địa điểm làm việc “tại Công ty và các địa điểm khác do Công ty yêu cầu”; mục trang bị bảo hộ lao động “được cấp phát theo yêu cầu công việc và quy định tại Nội quy lao động và theo quy định của pháp luật”; mục BHXH, BHYT, BHTN ghi “theo quy định của pháp luật về lao động, BHXH, BHTN, BHYT”.
- Số lao động bị mất việc làm từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/9/2023: 0 người.
- Số lao động thôi việc từ 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 2.796 người, trong đó không có lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.
- Đã lập, cập nhật, quản lý, sử dụng sổ quản lý lao động bản điện tử.
- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng và hàng năm theo quy định.

1.2. Việc đăng ký tham gia BHTN

- Việc đăng ký tham gia BHTN cho người lao động:
 - + Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHTN là: 1.309 người;
 - + Số lao động đã tham gia BHTN là 1.309 người (trong đó có 10 lao động đang nghỉ hưởng chế độ thai sản);
 - + Số lao động chưa tham gia BHTN: không.
- Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHTN: không.

1.3. Tiền lương và việc trích nộp BHTN

1.3.1. Tiền lương

- Mức lương tối thiểu Công ty đang áp dụng: 5.008.000 đồng/tháng.
- Các loại phụ cấp lương đang áp dụng: chức vụ, nghề, thâm niên, an toàn vệ sinh viên và phòng cháy chữa cháy.

- Các khoản bổ sung khác được trả hàng tháng vào lương cho người lao động: khoản bổ sung năng suất lao động không cố định gắn với quá trình làm việc, chấp hành nội quy lao động của người lao động, chuyên cần.

- Các khoản hỗ trợ: xăng xe, nhà ở, hỗ trợ nuôi con nhỏ.
- Hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: thời gian (tháng).
- Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.
- Việc trả cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHTN cho người lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHTN: không phát sinh.

1.3.2. Việc trích BHTN từ tiền lương của người lao động

- Đã trích tiền tham gia BHTN từ mức lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp nghề, phụ cấp thâm niên, phụ cấp an toàn, vệ sinh viên đối với người làm an toàn vệ sinh viên và phụ cấp phòng cháy, chữa cháy đối với người trong đội phòng cháy chữa cháy.

- Các khoản không trích nộp BHTN: khoản bổ sung năng suất lao động không cố định gắn với quá trình làm việc, chuyên cần, xăng xe, nhà ở, hỗ trợ nuôi con nhỏ.

1.4. Việc nộp BHTN

- Số tiền BHTN phải đóng trong thời kỳ thanh tra: 1.680.137.760 đồng.
- Số tiền BHTN đã đóng trong thời kỳ thanh tra: 1.680.137.760 đồng.
- Số tiền BHTN chậm đóng: 0 đồng.
- Số tiền bị xử phạt vi phạm do chậm đóng BHTN: không.

2. Việc chấp hành pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam

2.1. Tình hình quản lý NLĐNN làm việc tại Công ty

- Số vị trí sử dụng NLĐNN theo văn bản giải trình về nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương của Công ty là 68 người, trong đó: nhà quản lý: 01 vị trí; Giám đốc điều hành: 02 vị trí, lao động kỹ thuật 65 vị trí.

- Số vị trí sử dụng NLĐNN được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đối với nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương: 68 người, trong đó: nhà quản lý: 01 vị trí; Giám đốc điều hành: 02 vị trí; lao động kỹ thuật 65 vị trí (Công văn số 4108/TB-BQL ngày 22/8/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế thành phố Hải Phòng).

- Số NLĐNN không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đối với nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương: 0 người.

- Số NLĐNN thuộc diện không phải cấp giấy phép lao động và không phải làm thủ tục xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động: 0 người.

2.2. Tình hình sử dụng NLĐNN làm việc tại Công ty (tính tại ngày 25/10/2023)

2.2.1. Tổng số NLĐNN Công ty đang sử dụng: 57 người.

- Số NLĐNN thuộc đối tượng phải có giấy phép lao động: 57 người.
- + Số NLĐNN đã được cấp mới giấy phép lao động tại Công ty: 39 người.
- + Số NLĐNN được cấp lại giấy phép lao động: 0 người.
- + Số NLĐNN được gia hạn cấp phép lao động: 18 người.
- Số NLĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động: không.

2.2.2. Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình sử dụng NLĐNN với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương

Đã thực hiện báo cáo tình hình sử dụng NLĐNN theo quy định.

2.3. Giao kết và thực hiện HĐLĐ

2.3.1. Số NLĐNN thuộc đối tượng phải giao kết HĐLĐ: 57 người.

- Số NLĐNN đã giao kết HĐLĐ: 57 người, cụ thể:
 - + HĐLĐ xác định dưới 03 tháng: không.
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 01 năm: 0 người.
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 năm đến 02 năm: 57 người.
- Số NLĐNN chưa giao kết HĐLĐ: 0 người.

2.3.2. Số NLĐNN không thuộc đối tượng phải giao kết HĐLĐ: 0 người.

2.4. Bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc, bảo hiểm y tế (BHYT)

- Số NLĐNN thuộc đối tượng phải tham gia BHXH bắt buộc, BHYT là 57 người; số người đã được Công ty tham gia BHXH, BHYT là 57 người.
- Số người lao động chưa tham gia BHXH bắt buộc, BHYT: 0 người.
- Tiền lương tham gia BHXH bắt buộc, BHYT là mức tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và phụ cấp chức vụ.
- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tính đến hết tháng 9/2023: 3.726.604.000 đồng; số tiền đã đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tính đến hết tháng 9/2023: 3.726.604.000 đồng; số tiền chậm đóng cho cơ quan BHXH tính đến hết tháng 9/2023: không.
- Việc lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ BHXH cho NLĐNN: không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về việc làm, BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam đã được Công ty thực hiện

1.1. Đối với người lao động Việt Nam

1.1.1. Đã giao kết HĐLĐ với 1.309/1.309 người lao động diện phải ký HĐLĐ.

1.1.2. Đã lập, cập nhật, quản lý sổ quản lý lao động.

1.13. Đã báo cáo về tình hình thay đổi lao động 06 tháng và hàng năm theo quy định.

1.1.4. Đã tham gia BHTN cho 1.309/1.309 người lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHTN.

1.1.5. Đã trả lương cho người lao động bao gồm mức lương và các khoản bổ sung, hỗ trợ không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.

1.1.6. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.1.8. Đã trích tiền tham gia BHTN từ mức lương, phụ cấp chức vụ, nghề, thâm niên, an toàn vệ sinh viên và phòng cháy chữa cháy.

1.2. Đối với NLĐNN

1.2.1. Đã xác định nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được và báo cáo giải trình với Ban quản lý Khu kinh tế thành phố Hải Phòng; đã được Ban quản lý Khu kinh tế thành phố Hải Phòng có văn bản chấp thuận về việc sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc.

1.2.2. Đã làm thủ tục đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động và được Ban quản lý Khu kinh tế thành phố Hải Phòng cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động cho 57/57 NLĐNN thuộc diện cấp giấy phép lao động.

1.2.3. Đã thực hiện báo cáo tình hình sử dụng NLĐNN theo quy định.

1.2.4. Đã giao kết HĐLĐ với 57/57 NLĐNN thuộc đối tượng phải giao kết HĐLĐ.

1.2.5. Đã tham gia BHXH bắt buộc, BHYT cho 57/57 người thuộc đối tượng phải tham gia.

1.2.6. Đã trích tiền tham gia BHXH bắt buộc, BHYT từ mức tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và phụ cấp chức vụ.

2. Những quy định của pháp luật về việc làm, BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam chưa được Công ty thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

Nội dung HĐLĐ ghi chưa đúng theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể: HĐLĐ của 05 người lao động (ông Đồng Văn Quang, bà Đoàn Thúy Lan, ông Nguyễn Văn Sơn, ông Lò Văn Thụy, bà Đào Thị Thanh), nội dung HĐLĐ ghi chưa cụ thể: mục địa điểm làm việc “tại Công ty và các địa điểm khác do Công ty yêu cầu”; mục trang bị bảo hộ lao động “được cấp phát theo yêu cầu công việc và quy định tại Nội quy lao động và theo quy định của pháp luật”; mục BHXH, BHYT, BHTN ghi “theo quy định của pháp luật về lao động, BHXH, BHTN, BHYT”.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:
không.

V. HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC: không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu Chủ tịch Công ty:

- Niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của Công ty ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

- Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2, Phần III Kết luận thanh tra này và tiến hành rà soát, ký phụ lục hợp đồng với người lao động đã được ký HĐLĐ đảm bảo thỏa thuận cụ thể quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết luận này, Chủ tịch Công ty thực hiện xong các kiến nghị và báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện kiến nghị nêu trên, gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, hồ sơ có liên quan đến việc khắc phục sai phạm về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội)./.

Nơi nhận: 

- Công ty (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Cục Việc làm (để p/h);
- Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng (để p/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

